



Nhóm Công tác Mạng lưới Sông ngòi Việt Nam (VRN)

GÓP Ý LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC SỬA ĐỔI 2011



Hà Nội, tháng 9 năm 2011

MỤC LỤC

1. MẠNG LƯỚI SÔNG NGÒI VIỆT NAM VÀ SỰ QUAN TÂM ĐỐI VỚI LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC SỬA ĐỔI.....	3
2. NHỮNG Ý KIẾN ĐÓNG GÓP CHO DỰ THẢO 5 LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC SỬA ĐỔI.....	5
2.1. Những ý kiến nhận xét chung	5
2.2. Các góp ý cụ thể cho các Khoản, Điều và Chương của LTNN-Dự thảo 5:.....	6
3. KHUYẾN NGHỊ.....	12
4. PHỤ LỤC.....	13
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	14



1. MẠNG LƯỚI SÔNG NGÒI VIỆT NAM VÀ SỰ QUAN TÂM ĐỐI VỚI LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC SỬA ĐỔI

Mạng lưới sông ngòi Việt Nam (viết tắt là VRN) tiền thân là Mạng lưới Sông ngòi và Phát triển Bền vững được thành lập vào tháng 11 năm 2005. VRN được hình thành một cách tự nguyện với sự tham gia của đại diện các tổ chức phi chính phủ Việt Nam, các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, cán bộ của các cơ quan nhà nước và người dân ở các cộng đồng. VRN là một diễn đàn mở khuyến khích sự tham gia của tất cả những ai có quan tâm tới việc bảo vệ nguồn tài nguyên nước và phát triển bền vững ở Việt Nam. VRN có đặc trưng về tính *độc lập* trong hoạt động, *đa dạng* và *đa cấp* về thành phần tham gia và *chuyên môn hóa* trong lĩnh vực bảo vệ sông ngòi và tài nguyên nước. Hiện tại, Ban điều hành VRN bao gồm đại diện của 3 tổ chức: Trung tâm Bảo tồn và Phát triển Tài nguyên nước (WARECOD) ở Hà Nội, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Xã hội (CSRD) ở Huế và Trung tâm Đa dạng Sinh học và Phát triển (CBD) ở thành phố Hồ Chí Minh. Văn phòng Thường trực của VRN được đặt tại Tổ chức Điều phối chung WARECOD tại:

Địa chỉ: Phòng 801, toà nhà Hacisco số 15, ngõ 107, Nguyễn Chí Thanh, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:(84)437730828; Fax: (84)437739491;

Email: rivervietnam@gmail.com

VRN nhận thức rằng sông ngòi là tài sản vô cùng quý giá cần được bảo vệ. Những dòng sông trong lành mang lại nhiều nguồn lợi và cung cấp nguồn sống cho hàng triệu người dân Việt Nam cần phải được bảo vệ. VRN hoạt động nhằm bảo vệ hệ sinh thái sông và các lưu vực sông nhằm duy trì sự đa dạng sinh học cũng như nguồn sống cho các cộng đồng ở các lưu vực sông thông qua các hoạt động chia sẻ thông tin; nghiên cứu về các tác động xã hội và môi trường của các dự án xây dựng đập và các dự án phát triển khác có liên quan đến sông ngòi, tài nguyên nước, ở Việt Nam và trong khu vực đồng thời thực hiện các hoạt động vận động chính sách liên quan tới lĩnh vực này. Một trong những mục tiêu trọng tâm của VRN là *“thực hiện vai trò giám sát, phản biện độc lập và đóng góp chính sách liên quan đến tài nguyên nước dựa vào hoạt động thực tiễn”*.

Việc sửa đổi Luật Tài nguyên Nước 1998 và công bố các bản dự thảo Luật này để lấy ý kiến của công chúng do Cục quản lý Tài nguyên Nước (DWRM) tiến hành dưới sự chủ trì của Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE) đã và đang thu hút sự quan tâm đặc biệt của Mạng lưới sông ngòi Việt Nam cũng như các tổ chức nhân dân, tổ chức phi chính phủ trong nước bởi tính quan trọng và tác động đa chiều của đạo luật này tới mọi cá nhân dùng nước và toàn xã hội. Với các kinh nghiệm thực tiễn liên quan tới tài nguyên nước và sông ngòi, VRN mong muốn đóng góp các ý kiến phản ánh tiếng nói của công chúng, cộng đồng và xã hội dân sự trong quá trình tham

vấn, xây dựng Luật Tài nguyên nước sửa đổi để hướng tới đảm bảo tính thực thi của đạo Luật này trong tương lai. Chuẩn bị cho sự tích cực tham gia góp ý này, trong thời gian từ tháng 5 năm 2011 tới nay, VRN đã tổ chức nhiều hoạt động khác nhau. Các thành viên chủ chốt của VRN đã được tập huấn về kiến thức liên quan tới pháp luật, Tài nguyên nước ở Việt Nam cũng như các kỹ năng phân tích, bình luận góp ý các chính sách, pháp luật liên quan tới Tài nguyên nước. Một nhóm công tác góp ý Luật Tài nguyên nước sửa đổi với sự tham gia của các chuyên gia có chuyên môn từ nhiều lĩnh vực khác nhau cũng đã được thành lập và tập trung vào việc nghiên cứu các tài liệu đã được công bố để góp ý cho các dự thảo thảo 4 và 5 của Luật này. Hoạt động của nhóm công tác nhận được sự hỗ trợ tài chính của Chương trình Đối thoại Nước Mê Kông (MWD) và Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế, IUCN Việt Nam. Các thành viên trong nhóm chuyên gia bao gồm:

1. Ts. Đào Trọng Tứ, *Giám đốc Trung tâm quản lý tổng hợp tài nguyên nước và thích ứng với biến đổi khí hậu, Trưởng nhóm công tác góp ý Luật Tài Nguyên nước sửa đổi của VRN, thành viên Ban tư vấn VRN;*
2. Ts. Đoàn Bông, *Chuyên gia về Lâm nghiệp, Thành viên Ban tư vấn VRN;*
3. Ts. Lê Anh Tuấn, *Giảng viên Đại học Cần Thơ, Thành viên Ban tư vấn VRN;*
4. Ths. Lâm Thu Sửu, *Giám đốc Trung tâm Nghiên Cứu Phát Triển Xã Hội (CSRĐ), Thành viên Ban điều hành VRN;*
5. Ks. Phạm Xuân Quý, *Giám đốc Trung tâm ứng phó với Biến đổi khí hậu Thanh Hóa, Thành viên VRN;*
6. Cn. Ngụy Thị Khanh, *Phó giám đốc Trung tâm Bảo tồn và Phát triển Tài nguyên nước, Trưởng Ban điều hành VRN.*

Để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức xã hội và các bên liên quan ở cấp địa phương, VRN đã tổ chức hội thảo tham vấn lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan này cho dự thảo số 5 của Luật tài nguyên nước sửa đổi và tham gia trình bày các ý kiến đóng góp với Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam cho dự thảo Luật này. Báo cáo này là kết quả tổng hợp của nhóm công tác góp ý Luật tài nguyên nước của VRN về các ý kiến đóng góp của VRN và các bên liên quan đã tham gia vào quá trình trên để gửi tới Ban soạn thảo Luật tài nguyên nước sửa đổi và Cục quản lý tài nguyên nước.

2. NHỮNG Ý KIẾN ĐÓNG GÓP CHO DỰ THẢO 5 LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC SỬA ĐỔI

2.1. Những ý kiến nhận xét chung

- Quan điểm xây dựng Luật Tài nguyên Nước sửa đổi của MONRE đã thể hiện cách tiếp cận mới trong quản lý tài nguyên nước (TNN) và có kế thừa những quan điểm và nội dung của Luật hiện hành 1998.
- Việc cơ quan soạn thảo đã tiến hành lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan/tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước và bày tỏ sự quan tâm lắng nghe ý kiến của các tổ chức dân sự, cộng đồng địa phương là tuân thủ theo đúng Luật ban hành các văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12" có hiệu lực từ 01/01/2009.
- Dự thảo Luật đã đưa ra khá đầy đủ các chương liên quan đến các vấn đề quan trọng của tài nguyên nước. Nội dung Dự thảo cũng đã thể hiện được những vấn đề mới nảy sinh, nổi cộm trong việc quản lý- bảo vệ và phát triển TNN ở Việt Nam (vấn đề cạn kiệt/suy thoái TNN).

Qua nghiên cứu các dự thảo luật được công bố, chúng tôi nhận thấy dự thảo 5 của Luật TNN sửa đổi còn có một số điểm sau cần được cải tiến như sau:

- Dự thảo luật chưa thể hiện rõ ràng các mối quan hệ giữa luật này với các luật khác (Luật bảo vệ môi trường, luật đa dạng sinh học, luật khoáng sản...)
- Và các điều khoản chưa nêu rõ điều nào sẽ có chi tiết hóa ở các nghị định nào. Nghị định nào đã có và nghị định nào sẽ được xây dựng sau văn bản luật này.
- Vấn đề Quản lý tổng hợp lưu vực sông đã được đề cập nhưng chưa đủ và mờ nhạt trong dự thảo Vai trò của các Ủy Ban Lưu Vực Sông, Văn phòng quản lý lưu vực sông cũng rất mờ nhạt và chưa được trao quyền cụ thể để có thể thực hiện chức năng bảo vệ lưu vực sông trong dự thảo luật này.
- Vai trò trách nhiệm của Bộ Tài Nguyên Môi Trường đã được đề cao nhiều trong các điều khoản của Luật. Trong lúc đó Bộ Nông Nghiệp & PTNT có liên quan rất nhiều tới công tác quản lý, sử dụng và bảo vệ nguồn TNN nhưng chưa thấy dự thảo nói rõ sự phối kết hợp giữa hai bộ này.
- Dự thảo Luật này chưa quan tâm và ủng hộ đúng mức tới vai trò và khả năng tham gia của khối các tổ chức phi chính phủ trong nước, các tổ chức nhân dân và cộng đồng trong việc thực thi, giám sát luật.

2.2. Các góp ý cụ thể cho các Khoản, Điều và Chương của LTNN-Dự thảo 5:

- Cần có **Phần mở đầu** xác định tầm quan trọng/vị trí của TNN đối với sự sống của con người, sự phát triển kinh tế, xã hội và môi trường của đất nước.

• **CHƯƠNG 1: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG:**

Cần bổ sung thêm 1 Điều (đề nghị Điều 1) xác lập quyền sở hữu TNN: TNN là tài sản của quốc gia, thuộc sở hữu của toàn dân do nhà nước thống nhất quản lý...”

➤ Điều 1 của Dự thảo 5: Đề nghị thêm từ “giảm nhẹ”, cụ thể:

Luật này quy định về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống, **giảm nhẹ** và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nước nóng, nước khoáng thiên nhiên và nước biển (trừ nước biển ven bờ) được điều chỉnh bằng pháp luật khác

➤ Điều 2: Nội dung giải thích thuật ngữ “Nguồn nước” ở “mục 4” không phù hợp với các giải thích thuật ngữ về các loại nguồn nước ở các mục “5”, “6”, và “7” (nguồn nước có cả yếu tố tĩnh –hồ- ao-đầm-phá). Như vậy cần bổ sung nội dung nêu yếu tố tĩnh cho các mục từ “5, 6 và 7”.

Thuật ngữ “Ô nhiễm nguồn nước” (mục 15) cần phải đổi là “Nguồn nước ô nhiễm” hoặc “Nguồn nước bị ô nhiễm” thì mới phù hợp với giải thích, vì “ô nhiễm nguồn nước” là một hành động chứ không phải là danh từ.

Mục 19: “Dòng chảy tối thiểu là dòng chảy ở mức thấp nhất cần thiết để duy trì dòng sông hoặc đoạn sông nhằm bảo đảm sự phát triển bình thường của hệ sinh thái thủy sinh và bảo đảm mức tối thiểu cho hoạt động khai thác, sử dụng nguồn nước của các đối tượng sử dụng nước;”. Đề nghị nên chỉnh sửa Mục 19 để thể hiện rõ hơn đúng hơn khái niệm này: “**Dòng chảy tối thiểu là dòng chảy cần thiết tối thiểu để duy trì sự phát triển bình thường của hệ sinh thái thủy sinh và bảo đảm mức tối thiểu cho hoạt động khai thác, sử dụng nguồn nước của các đối tượng sử dụng nước của dòng sông hoặc một đoạn sông**”.

➤ Điều 3: Mục 1 nên bỏ cụm từ “kết hợp với quản lý theo địa bàn hành chính” vì mâu thuẫn với quản lý thống nhất/tổng hợp đã nêu ở Mục 2 “...từ thượng nguồn đến hạ nguồn...” và có thể dễ gây chòng chẹo trong quản lý và tạo kẽ hở.

Đề nghị bỏ mục 3 vì mục này mâu thuẫn với Điều 1. Mục 4 đề nghị bỏ cụm từ “*phải lấy phòng ngừa là chính*” vì không có nghĩa khi đi với từ “*Bảo vệ*”. Nên bỏ các mục 7, 8 và 9 đã bao hàm ở các mục trên (mục 3).

- Điều 6: Với cách tiếp cận mới trong quản lý tổng hợp TNN và tầm quan trọng của TNN đối với quốc gia-cộng đồng, để bảo đảm tính công bằng và minh bạch trong quản lý-bảo vệ-khai thác và sử dụng tài nguyên nước thì sự tham gia hiệu quả của cộng đồng và các bên liên quan vào quá trình ra quyết định liên quan đến TNN là yếu tố vô cùng quan trọng. Nhóm chuyên gia VRN đề nghị ***nên thay điều 6 bằng chương “Tham gia của cộng đồng và các bên liên quan trong quản lý-phát triển-sử dụng Tài nguyên nước và phòng, chống và giảm nhẹ tác hại do nước gây ra”***. Chương này cần có các điều nêu quyền và nghĩa vụ của cộng đồng/các bên liên quan trong quá trình ra quyết định liên quan đến quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng TNN và phòng, chống, giảm nhẹ, khắc phục hậu quả thiên tai do nước gây ra từ khâu quy hoạch cho tới việc giám sát, đánh giá thực hiện các quyết định, chính sách đề ra. Cụ thể các khoản dưới đây cần xem xét lại như sau:

+ Điều 6, khoản 1, mục a nên sửa thành: “*Lấy ý kiến đại diện các nhóm cộng đồng dân cư sinh sống, các nhóm lợi ích trên địa bàn bị ảnh hưởng; tổng hợp, tiếp thu, giải trình và gửi kèm theo hồ sơ của dự án khi trình cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư*”. Như vậy sẽ đảm bảo thành phần được lấy ý kiến phải bao gồm đại diện theo giới tính, tuổi tác và nghề nghiệp

+ Cần bổ sung hình thức cung cấp thông tin: ví dụ như họp dân, phổ biến qua loa đài, tờ rơi... vào điều 6, khoản 1 mục b để đảm bảo thông tin đến trực tiếp với đa số cộng đồng bị ảnh hưởng.

+ Khoản 4, điều 6: Để tránh được các việc là “tham vấn cho có lệ, tham vấn cho xong, và hiện tượng “vừa đá bóng vừa thổi còi” của tham vấn, cần có quy định cụ thể cho các dự án về việc lấy ý kiến tham vấn, chính phủ cần lưu ý đến quy trình, phương pháp tham vấn, thành phần cần được tham vấn, đơn vị chủ trì công tác tham vấn.

+ Chưa có “tham vấn, lấy ý kiến của cộng đồng và các bên liên quan trong các việc khác (như quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch phòng, chống lũ lụt) do vậy cần bổ sung thêm điều/khoản cho nội dung này.

+ Chưa có quy định về vai trò tham gia vào quá trình giám sát của cộng đồng và các tổ chức nhân dân trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước, do vậy cần bổ sung thêm điều/khoản về vấn đề này để nhấn mạnh vai trò giám sát của người dân theo tinh thần của Pháp lệnh dân chủ cơ sở .

- Điều 7: nên bỏ để đưa vào Nghị định dưới luật.

- **CHƯƠNG II: ĐIỀU TRA CƠ BẢN, CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH TÀI NGUYÊN NƯỚC**

Đề nghị luật chỉ có quy định chung cho các vấn đề điều tra cơ bản, chiến lược, quy hoạch TNN, các nội dung mang tính kỹ thuật hoặc quy định nội dung cụ thể của các vấn đề cơ bản nêu trên nên đưa vào Nghị định dưới luật. Khi cụ thể hóa vào Nghị định cần xem xét tới các nội dung chi tiết sau đây:

- Điều 9, khoản 1, mục h nên sửa thành: *“Điều tra, đánh giá, cảnh báo, dự báo các diễn biến bất thường về tài nguyên nước, các tác hại do nước gây ra, các tác động Biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước”*
 - “Điều 10. Tổ chức thực hiện công tác điều tra cơ bản tài nguyên nước: không thấy vai trò tổ chức quản lý lưu vực sông trong công tác điều tra cơ bản tài nguyên nước . Cần đưa vai trò của tổ chức lưu vực sông vào công tác điều tra và để họ làm đầu mối thông tin
 - Điều 14, khoản 4: nên sửa thành *“kết quả công tác điều tra cơ bản tài nguyên nước bao gồm kiểm kê, đánh giá và dự báo tài nguyên nước.*
 - Điều 16, khoản 3, mục a nên sửa thành: *“Đánh giá tình hình, diễn biến tác hại do nước gây ra; xác định nguyên nhân và phân vùng tác hại do nước gây ra; dự báo các tác động BĐKH”*
- **CHƯƠNG III: BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC**

- Điều 21: mục 1 nên bỏ cụm từ “và mọi cá nhân”. Bỏ mục 2: không nên phân biệt TNN tại địa phương và TNN quốc gia. Mục 3: nên bỏ từ “thường xuyên”
- Điều 25: Không thấy có khoản 3;
 - Khoản 4: không nên quy định trồng bù diện tích rừng bị mất do việc xây dựng công trình, vì đất rừng đã được các địa phương giao đến từng hộ để trồng, chăm sóc, bảo vệ và khai thác theo quy định trong thời hạn 50 năm vì không thể lấy đâu ra diện tích đất để trồng bù. Do vậy điều này chỉ nên quy định việc bồi thường thiệt hại trong trường hợp lấy đất rừng để xây dựng công trình theo quy định của Chính phủ và bỏ hẳn khoản 6;
 - Khoản 5: Cần xem lại quy định trong khoản này, bởi lẽ nếu chỉ quy định Chủ hồ chứa phải đóng góp kinh phí cho hoạt động bảo vệ rừng thuộc phạm vi lưu vực của hồ chứa, vậy còn những đối tượng chỉ làm đập thủy điện kiểu lòng sông (*không tạo nên hồ chứa*) thì sao? Các chủ hộ dùng nước này chỉ phải đóng thuế TNN theo quy định

mà không phải đóng góp kinh phí cho hoạt động bảo vệ rừng thuộc phạm vi lưu vực, trong khi họ sử dụng nguồn sinh thủy từ lưu vực rừng đầu nguồn còn lớn hơn cả đối với chủ công trình hồ chứa, quy định này dễ dẫn đến việc vận dụng tùy tiện trong quá trình thực hiện và các chủ hồ chứa nếu không linh hoạt sẽ bị đóng thuế 2 lần.

Mặt khác, nguồn sinh thủy của lưu vực đầu nguồn chính là lượng nước đến, sau khi trừ đi các loại tổn thất, hồ chứa chỉ tích lại một phần cộng với lưu lượng cơ bản để sử dụng, chính lượng nước tích lại trong hồ và lưu lượng cơ bản này là cơ sở tính thuế TNN để tạo nên nguồn NSNN được đầu tư trở lại theo quy hoạch và kế hoạch bảo vệ, phát triển TNN(bao gồm cả bảo vệ nguồn sinh thủy- lưu vực rừng đầu nguồn), sẽ được nêu cụ thể trong chương tài chính-kinh tế TNN. Như vậy vấn đề này không cần thiết quy định thêm khoản 5 của điều này mà đưa vào chương tài chính-kinh tế TNN.

- *Điều 26:* Mục 1 cần thêm từ “trái phép” cụ thể: “1. **Cấm bố trí các vật cản, chướng ngại vật, công trình kiến trúc, trồng cây trái phép gây cản trở đường thoát lũ ở các sông, suối, hồ, kênh, rạch.**”. (nếu không tất cả các công trình thủy lợi thủy điện .. đều bị cấm).
- *Điều 27:* Nên xem lại khoản 3 để đảm bảo tính thống nhất và không bị chòng chéo, mâu thuẫn với nhiều luật liên quan khác như: Luật đê điều, luật giao thông đường thủy, Luật xây dựng...
- *Điều 31 và 32:* cần xem lại điều 8: Các hành vi bị nghiêm cấm, trong đó mục 1 Điều 8 nêu “việc đổ chất thải, rác thải vào nguồn nước và hành vi làm ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước” là hành vi bị nghiêm cấm- việc xả thải có giấy phép là mâu thuẫn với Điều 8.

• **CHƯƠNG IV: KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC**

Đề nghị bỏ phần Mục 1,2 trong chương IV.

Nên đưa điều 46 vào sau điều 38 và tất cả các điều từ điều 33-điều 36 vào sau điều 46, để bảo đảm tính logic trong chuỗi hoạt động về lĩnh vực TNN: khai thác và sử dụng (còn đảm bảo sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả là mục tiêu của việc sử dụng TNN);

- *Điều 41:* nên bỏ Mục 1 vì không có nghĩa.
- *Điều 42:* Mục 1: nên bỏ câu “Tổ chức, cá nhân sử dụng nước biển ven bờ để sản xuất muối không được gây xâm nhập mặn và làm ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông nghiệp và môi trường”. Vì sản xuất muối cần đưa nước mặn vào đồng. Mục 2: Thay cụm từ “cá nhân chỉ được sử dụng nước thải khi đã bảo đảm tiêu chuẩn...”

bằng cụm từ “Nước thải chỉ được sử dụng cho nuôi trồng thủy, hải sản khi bảo đảm tiêu chuẩn...”

Mặt khác, các công trình thủy lợi đã, đang và sẽ góp phần tích cực trong giảm thiểu và thích ứng với thiên tai do tác động của BĐKH, mà thành phần chính vẫn là *nước*, vậy nên không có lý gì không đưa các quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi vào Luật TNN(sửa đổi) mà suy cho cùng đó cũng chính là các biện pháp điều tiết, phân phối dòng chảy(TNN). **Đề nghị nên chọn lọc đưa các điều 47,48,49,50,51&52 của Luật TNN 1998 vào Luật TNN(sửa đổi).**

- **CHƯƠNG V: PHÒNG, CHỐNG KHẮC PHỤC HẬU QUẢ LŨ, LỤT VÀ TÁC HẠI KHÁC DO NƯỚC GÂY RA**

- Điều 60: nêu các quy định về phòng, chống xâm nhập mặn, nước biển dâng, tràn là hoàn toàn phù hợp. Như vậy, định nghĩa về TNN như Luật TNN 1998 là rất chính xác, phù hợp với cả trước mắt và lâu dài. Do vậy cần phải xem xét điều chỉnh lại điều 1 của Luật TNN(sửa đổi), bởi vì ngay cụm từ : **“*Luật này quy định về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng TNN, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam*”** mà theo khoản 3 điều 5 Luật biên giới quốc gia 06/2003/QH11 đã định nghĩa : **“*Biên giới quốc gia trên biển được hoạch định và đánh dấu bằng các toạ độ trên hải đồ là ranh giới phía ngoài lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của quần đảo của Việt Nam được xác định theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 và các điều ước quốc tế giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan.*”** .Vậy tại sao Luật TNN(sửa đổi) lại chỉ gồm nước biển ven bờ trong phạm vi 3 hải lý? Liệu có mâu thuẫn gì trong nội tại điều 1 dẫn đến xung đột về lợi ích trong quá trình thực hiện Luật?

- **CHƯƠNG VI: TÀI CHÍNH TÀI NGUYÊN NƯỚC**

Với quan điểm quản lý tổng hợp TNN và coi nước là hàng hóa đặc biệt, chúng tôi đề nghị đưa phần kinh tế (Dự thảo 4) vào chương này và tên Chương VI đề nghị đổi thành: **“TÀI CHÍNH VÀ KINH TẾ TÀI NGUYÊN NƯỚC”**.

Chưa có điều/ khoản nào trong chương này nói về tính minh bạch của tài chính về tài nguyên nước do vậy đề nghị cần bổ sung điều khoản nói về nội dung này.

- **CHƯƠNG VII: QUAN HỆ QUỐC TẾ VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC**

Không có góp ý gì

- **CHƯƠNG VIII: TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC**

Cần nêu rõ hơn trách nhiệm của Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về TNN là những nội dung gì? Không nên nêu quá chung chung;

Trong vai trò thống nhất quản lý nhà nước về TNN, Chính phủ cần phải thực hiện: (i) trình Quốc hội, UBTVQH ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, biện pháp thực hiện Luật TNN, (ii) Sửa đổi, bổ sung, ban hành kịp thời các định mức kinh tế- kỹ thuật, chế độ sử dụng NSNN cho các hoạt động thực hiện Luật TNN, (iii) Chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện, xử lý nghiêm minh và công khai các hành vi vi phạm Luật TNN, (iv) Phê duyệt chương trình tổng thể về quy hoạch phát triển TNN trong ngắn hạn và dài hạn, đồng thời chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện, và (v) Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện pháp luật về TNN;

Cần bổ sung trách nhiệm của Hội đồng nhân dân các cấp vào *Điều 71*, với các nội dung sau: (i) Sửa đổi, bổ sung các định mức, tiêu chuẩn, chế độ cho các hoạt động trong lĩnh vực TNN theo thẩm quyền được phân cấp và khả năng của ngân sách địa phương, (ii) Quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương theo định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan có thẩm quyền của nhà nước ban hành và phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương cho các hoạt động trong lĩnh vực TNN, (iii) Quyết định các biện pháp trong quản lý TNN tại địa phương, và (iv) Giám sát việc thực hiện Luật TNN tại địa phương;

- *Điều 72, khoản 2*: “trách nhiệm điều phối giám sát” thiếu điều khoản nói về vai trò của cộng đồng lưu vực sông và xã hội dân sự trong giám sát, phát hiện vấn đề và báo cáo. Do vậy cần bổ sung nội dung này trong phần quy định về sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức xã hội dân sự hoặc cụ thể hóa trong điều này.

Đưa *Điều 74* “Hội đồng quốc gia về TNN” lên trước *điều 72* và *điều 73* lên sau *Điều 53* của Chương V, thì mới hợp lý.

• **CHƯƠNG IX: THANH TRA CHUYÊN NGÀNH TNN, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

Chương này nên tách thành 2 chương, một chương nói về : THANH TRA CHUYÊN NGÀNH TNN, với các điều từ *điều 76- điều 80* và một chương nói về: KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM, trong đó giữ nguyên các điều 81&82 và cần bổ sung thêm các điều như: *Khen thưởng; Bồi thường thiệt hại do vi phạm các quy định của pháp luật TNN; Hình thức xử phạt hành chính và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực TNN; Truy cứu trách nhiệm hình sự.*

3. KHUYẾN NGHỊ

Từ những nội dung góp ý trên đây, VRN đề nghị Ban soạn thảo Luật Tài nguyên Nước sửa đổi xem xét và đưa vào trong Luật các nội dung sau đây:

1. Luật TNN sửa đổi cần phải xác định vai trò của nước trong đời sống kinh tế-xã hội- bảo vệ môi trường của đất nước để kế thừa những nội dung phù hợp đã có trong LTNN 1998.
2. Luật TNN sửa đổi cần xác định quyền sở hữu TNN đã có trong luật TNN 1998.
3. Luật TNN cần xác lập rõ ràng cách tiếp cận quản lý tổng hợp tài nguyên nước- Quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông trong luật- để bảo đảm sự phát triển công bằng- phát triển bền vững TNN không chỉ cho các cộng đồng ở thượng và hạ nguồn hôm nay mà giữ gìn tài sản vô giá-nguồn sống của con người cho các thế hệ mai sau. Để có thể thực hiện cách tiếp cận này, cần có quy định cụ thể về vai trò, chức năng nhiệm vụ và thành phần của các Ủy ban lưu vực sông và đảm bảo tính thực tiễn, khả thi của tổ chức này. Đồng thời cần chú trọng hơn tới những quy định về việc bảo vệ rừng đầu nguồn hay còn gọi là nguồn sinh thủy.
4. Luật TNN nước cần khuyến khích và làm rõ sự tham gia chủ động và tích cực của cộng đồng dân cư đặc biệt là các cộng đồng bị tác động, các tổ chức phi chính phủ, tổ chức nhân dân và các bên liên quan vào các quá trình ra quyết định liên quan đến quản lý, phát triển, bảo vệ và sử dụng TNN (từ lập kế hoạch-quy hoạch- thực hiện và giám sát, đánh giá cũng như báo cáo lên các cơ quan có thẩm quyền về các chương trình/dự án phát triển TNN – quản lý vận hành các hạ tầng thủy lợi/cấp thoát nước/thủy điện). Sự tham gia tích cực và hiệu quả của cộng đồng và các bên liên sẽ bảo đảm cho tài nguyên được quản lý hữu hiệu, phát triển bền vững và bảo đảm sự công bằng và công khai trong khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên quan trọng này. Cần có một chương quy định về nội dung này theo như phân tích đã đưa ra.
5. Từ ngữ dùng trong dự thảo luật cần được viết ngắn gọn, xúc tích rõ nghĩa để bảo đảm tính chính xác và chuẩn mực, không được gây hiểu lầm/hiểu theo nhiều nghĩa.
6. Cần xem xét cấu trúc lại các chương, mục, điều, khoản... của Luật TNN sửa đổi sao cho nhất quán và đảm bảo tính logic của Luật như những góp ý đã nêu trong phần 2

4. PHỤ LỤC

- 4.1. Danh sách các đại biểu tham dự hội thảo tập huấn và góp ý về Luật tài nguyên nước do VRN tổ chức tháng 5/2011
- 4.2. Danh sách các đại biểu và ý kiến đóng góp của Hội thảo tham vấn Luật nước sửa đổi tháng 8/2011
- 4.3. BẢNG 1: SO SÁNH LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC 1998 VÀ DỰ THẢO SỬA ĐỔI 2011 – (Dự thảo 4 & 5) - (Theo Chương)
- 4.4 BẢNG 2: SO SÁNH LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC 1998 VÀ DỰ THẢO SỬA ĐỔI 2010-2011 (Dự thảo 4 & 5)- (Theo Chương và Điều)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiến Pháp nước CHXHCN Việt Nam 1992
2. Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam, 1998: Luật Tài nguyên Nước
3. Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE), 2011: Luật tài nguyên Nước (Sửa đổi) (dự thảo 4)
4. Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE), 2011: Luật tài nguyên Nước (Sửa đổi) (dự thảo 5)
5. MONRE, 2011: Dự thảo tờ trình Chính phủ về Luật TNN sửa đổi
6. MONRE, 2008: Báo cáo Tổng quan ngành nước
7. MONRE, 2010: Báo cáo Môi trường Việt Nam 2006 và 2010..
8. Luật Bảo vệ rừng, 2004
9. Luật Đa Dạng Sinh học
10. Luật khoáng sản



Danh sách đại biểu tham dự
Hội thảo tập huấn
Nâng cao năng lực vận động chính sách liên quan
đến Luật Tài nguyên Nước

Thời gian: 25-26 tháng 5 năm 2011

Địa điểm: Nhà khách Trung Ương, số 8, Chu Văn An, Hà Nội

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác
	Thành viên đến từ các tỉnh	
1.	Nguyễn Văn Quế	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thừa Thiên Huế quenv@vusta.vn
2.	Đoàn Tranh	Đại học Duy Tân Đà Nẵng dtranh_2000@yahoo.com
3.	Kỷ Quang Vinh	Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Cần Thơ kqvinh@cyu.edu.vn
4.	Nguyễn Thị Mai Linh	Đại học Tôn Đức Thắng HCM mailinh@yahoo.com
5.	Lê Đình Hùng	Trung tâm đa dạng sinh học và Phát triển (CBD) lehung2@gmail.com
6.	Nguyễn Kim Uy Vũ	Phòng Tài nguyên và Môi trường, Tp Buôn Ma Thuật, Đắk Lắk mien_đato@yahoo.com
7.	Phạm Xuân Quý	Trung tâm Hỗ trợ ứng phó BDKH Thanh Hóa xqpham48@gmail.com
8.	Phan Thị Ngọc Thúy	Nghiên cứu viên của Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển xã hội (CSRĐ) - Huế. phanngocthuy.csrd@gmail.com
9.	Trần Lệ Hằng	Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn Huế (CSSH) lehang.cssh@gmail.com
10.	Đan Tiếp Phúc	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Hòa Bình dantiepphuc@yahoo.com
	Hà Nội	
11.	Đặng Ngọc Quang	Trung tâm Dịch vụ Phát triển Nông thôn dangngocquang@rdsevn.org
12.	Đoàn Bông	Viện Kinh tế Sinh thái doanbong@hotmail.com
13.	Nguyễn Thị Thu	Học viện Chính sách và Phát triển nguyenthithu@gmail.com
14.	Trần Thị Thanh Hải	Trung tâm Con người và Thiên nhiên

		tranhai@nature.org.vn
15.	Lê Tự	Hội Nhà báo Việt Nam letuddk@gmail.com
16.	Lê Nguyên Tường	Viện Khí tượng Thủy văn. tuong@vkkttv.edu.vn
17.	Lê Thành Ý	19/668 Lạc Long Quân, Tây Hồ, Hà Nội thanhy41@yahoo.com.vn
18.	Nguyễn Tiến Long	Viện Năng lượng longP17@fpt.vn
19.	Trần Thanh Lâm	Viện Tài nguyên Nước và Môi trường Đông Nam Á lamtrt@yahoo.com
20.	Tường Phi Lai	Thành viên VRN tuongphilai@gmail.com
21.	Trần văn Hà	Thành viên Ban điều phối VRN tranhaethno@yahoo.com.vn
22.	Nguyễn Đức Anh	Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật ducanh410@yahoo.com
VRN/WARECOD		
23.	Hoàng Thị Tú Oanh	Thành viên nhóm điều phối VRN oanh@warecod.org.vn
24.	Phạm Thị Lan Anh	Thành viên nhóm điều phối VRN anh.phamlan@warecod.org.vn
25.	Lê Thị Kim Ngân	Cán bộ Biên đổi khí hậu và truyền thông VRN ngankim@warecod.org.vn
26.	Dương Thu Hằng	Cán bộ vận động chính sách VRN hang@warecod.org.vn
27.	Nguyễn Vi Linh	Kế toán linh@warecod.org.vn
28.	Lê Sỹ Thắng	Điều phối chương trình can thiệp thangls@warecod.org.vn
29.	Nguyễn Văn Nghĩa	Cán bộ chương trình can thiệp nghia@warecod.org.vn
30.	Nguyễn Thị Hiếu	Điều phối chương trình nghiên cứu hieu@warecod.org.vn
31.	Đường Xuân Phúc	cán bộ chương trình nghiên cứu phuc@warecod.org.vn
32.	Lê Ngọc Sơn	Cán bộ chương trình can thiệp son@warecod.org.vn
33.	Ngụy Thị Hải	Cán bộ văn phòng hai@warecod.org.vn
34.	Đới Thị Nguyệt Minh	Cán bộ văn phòng minh@warecod.org.vn
Giảng Viên		
35.	Nancy	Chuyên gia vận động chính sách
36.	Đào Trọng Tứ	Chuyên gia Thủy lợi tudaotrong49@yahoo.com
37.	Ms Nguyễn Thị Phương Lâm	Chuyên gia Thủy lợi phuonglamnguyen@gmail.com
38.	Ngụy Thị Khanh	Trưởng Ban điều hành VRN khanh@warecod.org.vn



HỘI THẢO

Tham vấn và đóng góp ý kiến của xã hội dân sự cho Luật Tài nguyên Nước sửa đổi

Ngày 24 tháng 8 năm 2011

Tại Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, 53 Nguyễn Du, Hà Nội

STT

Tên Đại biểu

Địa chỉ

Chủ trì Hội thảo

1

Nguy Thị Khanh
Trung tâm Bảo tồn và phát triển Tài nguyên Nước
khanh@warecod.org.vn

2

Nguyễn Mạnh Đôn
Trưởng ban Khoa học và Công nghệ - VUSTA
nguyenmanhdon@gmail.com

3

Đào Trọng Tứ
Trung tâm phát triển Bền vững tài nguyên Nước và thích nghi với biến đổi khí hậu; 114 Yên Lạc, Hai
Bà Trưng, Hà Nội
tudaotrong49@yahoo.com.vn

Đại biểu đến từ các tỉnh

4

Phạm Xuân Quý
Trung tâm hỗ trợ Ứng phó với Biến đổi khí hậu Thanh Hóa; Số 30/236 đường Thành Thái, Phường
Đông Thọ, Thanh Hóa
phamxuanquy@gmail.com

5

Lâm Đình Uy

Viện Sinh học Nhiệt đới Hồ Chí Minh - 85 Trần Quốc Toản, Q.3 Hồ Chí Minh
lamdinhuy@gmail.com

6

Lê Anh Tuấn
College of Environment and Natural Resources
Research Institute for Climate Change (DRAGON institute - Mekong); CanTho University
Campus II, Street 3/2, CanTho City, Vietnam
latuan@ctu.edu.vn

7

Lâm Thị Thu Sứ
Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Xã hội -2/33Nguyễn Trường Tộ- Thành Phố Huế
cssh@vnn.vn

8

Hà Thị Cúc
Chủ nhiệm hợp tác xã tư vấn và hỗ trợ PTNN Hạ Hòa (HaDevA)

9

Phạm Văn Rỡ
Chủ tịch Liên Hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Yên Bái
phamroyb@gmail.com

10

Lê Thị Sâm
Chương trình sinh kế Oxfam Anh tại Lào Cai
LTSam@oxfam.org.uk

11

Phạm Mậu Tài
Quang Ninh Rural Development and Poverty Reduction Fund (RDPR)
Quan Hau Town, Quang Ninh District, Quang Binh Province, Viet Nam
phammautai@yahoo.com

12

Trần Văn Trí
giám đốc Trung tâm Phát triển Cộng đồng Cao Bằng (DECEN)
trantri.cb@yahoo.com

13

Mai Thị Hoàn
Huyện Na Hang Tuyên Quang

14

Nông Mạnh Linh
DECEN Cao Bằng

15

Nguyễn Văn Đứng
Chủ tịch Liên hiệp hội tỉnh Đồng Tháp
saudunglhh@yahoo.com.vn

Đại biểu Hà Nội

16

Đoàn Bông
Viện Kinh tế Sinh thái - Nhà số 16, ngách 5, ngõ 112, đường Hoàng Quốc Việt, Hà Nội
doanbong07@yahoo.com.vn

17

Nguyễn Thị Vân
Liên minh các tổ chức PCP Việt Nam

18

Nguyễn Hồng Toàn

Trung tâm Quản lý Tài nguyên Nước và Môi trường lưu vực sông
hongtoannguyen@gmail.com

19

Nguyễn Văn Duyên
Vietnam Environment Network
duyennv@gmail.com

20

Nguyễn Đức Tú
Water and Wetlands Coordinator, IUCN Vietnam
tu.nguyenduc@iucn.org

21

Dương Thị Nga
Ban hợp tác Quốc tế - VUSTA

22

Dương Anh Tuyên
Thành viên VRN
anhtuyen123@yahoo.com.vn

23

Nguyễn Việt Hà
Care International in Vietnam
nvha@care.org.vn

24

Nguyễn Hải Linh
Pannature
linh@nature.org.vn

25

Đỗ Thị Thuần
IWE

26

Nguyễn Huyền Trang
IWE

27

Vũ Văn Nam
SRD

Báo chí

28

Đặng Thúy Hằng
Báo TNMT
dangthuyhangtnmt@gmail.com

29

Lê Thành Ý
Hội nhà báo Việt Nam
thanhy41@yahoo.com.vn

30

Lê Nguyên Hoa
Báo Kinh tế nông thôn
nguyenhoayb@yahoo.com

31

Trần Thu Thủy
Thời báo Tài chính Việt Nam
thuthuybtcvn@gmail.com

32

Trịnh Lan Anh

PV Tạp chí Thanh tra Chính phủ lananhttcp@gmail.com	33
Chữ Tú Phương Tạp chí Tài nguyên và Môi Trường	34
Lâm Bích Ngọc Báo đất Việt	35
Lý Thị Thanh Phương TTXVN	36
Cần Thơ Vietnamplus.vn thodangtd@gmail.com	37
Bùi Hồng Ninh Website vusta.vn thongtin@vustaa.vn	38
Nguyễn Hùng Cường phóng viên phòng môi trường Hệ VOV1 Đài Tiếng nói Việt Nam hungcuongvov@yahoo.com.vn	V
WARECOD/VRN	
	39
Phạm Thị Lan Anh VRN anh.phamlan@warecod.org.vn	40
Lê Ngọc Sơn WARECOD son@warecod.org.vn	41
Đường Xuân Phúc WARECOD phuc@warecod.org.vn	42
Nguyễn Thị Hiếu WARECOD hieu@warecod.org.vn	43
Nguyễn Văn Nghĩa WARECOD nghia@warecod.org.vn	44
Nguyễn Vi Linh WARECOD linh@warecod.org.vn	45
Dương Thu Hằng VRN hang@warecod.org.vn	46

Nguy Thị Hải
WARECOD
hai@warecod.org.vn

VIII

Ban tổ chức

47

Hoàng Thị Tú Oanh
VRN
oanh@warecod.org.vn

48

Lê Thị Kim Ngân
VRN
ngankim@warecod.org.vn

49

Đới Nguyệt Minh
WARECOD
minh@warecod.org.vn

Phụ lục 1. LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC 1998 VÀ DỰ THẢO SỬA ĐỔI 2011 – (Dự thảo 4 & 5)
(Theo Chương)

Luật TNN-1998	Luật TNN- SỬA ĐỔI 2011 (Dự thảo 4)	Luật TTN- SỬA ĐỔI 2011 (Dự thảo 5)
10 Chương – 75 Điều	13 Chương - 111 Điều	10 Chương- 86 Điều
CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG 9 điều	Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG 12 Điều	CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG 8 Điều
CHƯƠNG II: BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC 10 điều	Chương II: QUẢN LÝ LƯU VỰC SÔNG 11 điều	CHƯƠNG II: ĐIỀU TRA CƠ BẢN, CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH TÀI NGUYÊN NƯỚC 2 Mục 12 điều
CHƯƠNG III: KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC 16 Điều	Chương III: ĐIỀU TRA CƠ BẢN, QUY HOẠCH TÀI NGUYÊN NƯỚC 14 Điều	CHƯƠNG III: BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC 12 Điều
CHƯƠNG IV: PHÒNG, CHỐNG, KHẮC PHỤC HẬU QUẢ LŨ, LỤT VÀ TÁC HẠI KHÁC DO NƯỚC GÂY RA 11 Điều	Chương IV: BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC 11 Điều	CHƯƠNG IV: KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC 3 mục-21 điều
CHƯƠNG V: KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI	Chương V: KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC	CHƯƠNG V: PHÒNG, CHỐNG KHẮC PHỤC HẬU QUẢ LŨ, LỤT

<p>6 Điều</p>	<p>21 Điều</p>	<p>VÀ TÁC HẠI KHÁC DO NƯỚC GÂY RA 8 Điều</p>
<p>CHƯƠNG VI: QUAN HỆ QUỐC TẾ VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC</p> <p>4 Điều</p>	<p>Chương VI: PHÒNG, CHỐNG, KHẮC PHỤC HẬU QUẢ LŨ, LỤT VÀ TÁC HẠI KHÁC DO NƯỚC GÂY RA</p> <p>11 Điều</p>	<p>CHƯƠNG VI: TÀI CHÍNH VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC</p> <p>4 Điều</p>
<p>CHƯƠNG VII: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC</p> <p>9 Điều</p>	<p>Chương VII: KINH TẾ VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC</p> <p>7 Điều</p>	<p>CHƯƠNG VII: QUAN HỆ QUỐC TẾ VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC</p> <p>4 Điều</p>
<p>CHƯƠNG VIII: THANH TRA CHUYÊN NGÀNH VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC</p> <p>4 Điều</p>	<p>Chương VIII: KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI</p> <p>6 Điều</p>	<p>CHƯƠNG VIII: TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC</p> <p>6 Điều</p>
<p>CHƯƠNG IX: KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM</p> <p>2 Điều</p>	<p>Chương IX: QUAN HỆ QUỐC TẾ VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC</p> <p>4 Điều</p>	<p>CHƯƠNG IX: THANH TRA CHUYÊN NGÀNH TÀI NGUYÊN NƯỚC, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ XỬ LÝ VI PHẠM</p> <p>8 Điều</p>
<p>CHƯƠNG X: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p> <p>4 Điều</p>	<p>Chương X: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC</p> <p>6 Điều</p>	<p>CHƯƠNG X: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p> <p>3 Điều</p>

	Chương XI: THANH TRA VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC 4 Điều	
	Chương XII: KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM 2 Điều	
	Chương XIII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 3 Điều	

**Phụ lục 2. LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC 1998 VÀ DỰ THẢO SỬA ĐỔI 2010-2011 (Dự thảo 4 & 5)
(Theo Chương và Điều)**

LTNN-1998	SỬA ĐỔI 2011 (Dự thảo 4)	SỬA ĐỔI 2011 (Dự thảo 5)
10 Chương – 75 Điều	13 Chương - 111 Điều	10 Chương- 85 Điều
<p>CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</p> <p><u>Điều 1.</u> Sở hữu tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 2.</u> Đối tượng và phạm vi áp dụng</p> <p><u>Điều 3.</u> Giải thích từ ngữ</p> <p><u>Điều 4.</u> Quản lý tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 5.</u> Bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra</p> <p><u>Điều 6.</u> Chính sách đầu tư phát triển tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 7.</u> Chính sách tài chính về tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 8.</u> Quan hệ quốc tế về tài nguyên nước</p>	<p>CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</p> <p><u>Điều 1.</u> Phạm vi điều chỉnh</p> <p><u>Điều 2:</u> Áp dụng pháp luật</p> <p><u>Điều 3.</u> Giải thích từ ngữ</p> <p><u>Điều 4.</u> Sở hữu tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 5.</u> Quản lý tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 6.</u> Nguyên tắc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra</p> <p><u>Điều 7.</u> Chính sách đầu tư phát triển tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 8.</u> Chính sách tài chính về tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 9.</u> Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và giáo dục về tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 10.</u> Sự tham gia của cộng đồng trong quản lý tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 11.</u> Các hành vi bị nghiêm cấm</p>	<p>CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</p> <p><u>Điều 1.</u> Phạm vi điều chỉnh</p> <p><u>Điều 2.</u> Giải thích từ ngữ</p> <p><u>Điều 3.</u> Nguyên tắc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống tác hại do nước gây ra</p> <p><u>Điều 4.</u> Chính sách của Nhà nước về tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 5.</u> Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 6.</u> Tham vấn, lấy ý kiến của cộng đồng và các bên liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 7.</u> Danh mục lưu vực sông</p> <p><u>Điều 8.</u> Các hành vi bị nghiêm cấm</p>
CHƯƠNG II: BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC	Chương II: QUẢN LÝ LƯU VỰC SÔNG	CHƯƠNG II: ĐIỀU TRA CƠ BẢN, CHIẾN

<p><u>Điều 10.</u> Trách nhiệm bảo vệ tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 11.</u> Phòng, chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước</p> <p><u>Điều 12.</u> Bảo vệ nước dưới đất</p> <p><u>Điều 13.</u> Bảo vệ chất lượng nước</p> <p><u>Điều 14.</u> Bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt</p> <p><u>Điều 15.</u> Bảo vệ chất lượng nước trong sản xuất nông nghiệp, nuôi, trồng thủy, hải sản, sản xuất công nghiệp, khai khoáng</p> <p><u>Điều 16.</u> Bảo vệ chất lượng nước trong các hoạt động khác</p> <p><u>Điều 17.</u> Bảo vệ nguồn nước ở đô thị, khu dân cư tập trung</p> <p><u>Điều 18.</u> Xả nước thải vào nguồn nước</p> <p><u>Điều 19.</u> Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được phép xả nước thải</p>	<p><u>Điều 12.</u> Nội dung quản lý lưu vực sông</p> <p><u>Điều 13.</u> Danh mục lưu vực sông</p> <p><u>Điều 14.</u> Ủy ban Lưu vực sông</p> <p><u>Điều 15.</u> Văn phòng lưu vực sông</p> <p><u>Điều 16.</u> Kế hoạch phòng, chống ô nhiễm nguồn nước và phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm trên lưu vực sông</p> <p><u>Điều 17.</u> Ứng phó và khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước trên lưu vực sông</p> <p><u>Điều 18.</u> Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông</p> <p><u>Điều 19.</u> Khai thác, sử dụng tài nguyên nước công bằng và hợp lý</p> <p><u>Điều 20.</u> Điều hòa, phân bổ tài nguyên nước trên lưu vực sông</p> <p><u>Điều 21.</u> Chuyển nước lưu vực sông</p> <p><u>Điều 22.</u> Thẩm quyền quản lý nhà nước về lưu vực sông</p>	<p style="text-align: center;">LƯỢC, QUY HOẠCH TÀI NGUYÊN NƯỚC</p> <p>Mục 1: ĐIỀU TRA CƠ BẢN TÀI NGUYÊN NƯỚC</p> <p><u>Điều 9.</u> Nội dung chủ yếu của công tác điều tra cơ bản tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 10.</u> Tổ chức thực hiện công tác điều tra cơ bản tài nguyên nước</p> <p>Mục 2: CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH TÀI NGUYÊN NƯỚC</p> <p><u>Điều 11.</u> Chiến lược tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 12.</u> Quy hoạch tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 13.</u> Nguyên tắc lập quy hoạch tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 14.</u> Căn cứ lập quy hoạch tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 15.</u> Nội dung nhiệm vụ quy hoạch tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 16.</u> Nội dung quy hoạch tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 17.</u> Lập, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 18.</u> Điều chỉnh quy hoạch tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 19.</u> Tổ chức thực hiện quy hoạch tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 20.</u> Lưu trữ hồ sơ, cung cấp thông tin quy hoạch tài nguyên nước</p>
<p style="text-align: center;">CHƯƠNG III: KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC</p>	<p style="text-align: center;">Chương III: ĐIỀU TRA CƠ BẢN, QUY HOẠCH TÀI NGUYÊN NƯỚC</p>	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG III: BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC</p> <p><u>Điều 21.</u> Trách nhiệm bảo vệ tài nguyên</p>

<p><u>Điều 20.</u> Điều hòa, phân phối tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 21.</u> Chuyển nước từ lưu vực sông này sang lưu vực sông khác</p> <p><u>Điều 22.</u> Quyền của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 23.</u> Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 24.</u> Cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 25.</u> Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sinh hoạt</p> <p><u>Điều 26.</u> Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sản xuất nông nghiệp</p> <p><u>Điều 27.</u> Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sản xuất muối và nuôi trồng thủy, hải sản</p> <p><u>Điều 28.</u> Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sản xuất công nghiệp, khai khoáng</p> <p><u>Điều 29.</u> Khai thác, sử dụng nguồn nước cho thủy điện</p> <p><u>Điều 30.</u> Khai thác, sử dụng nguồn nước cho giao thông thủy</p> <p><u>Điều 31.</u> Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho các mục đích khác</p>	<p><u>Điều 23.</u> Nội dung chủ yếu của công tác điều tra cơ bản tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 24.</u> Tổ chức công tác điều tra cơ bản tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 25.</u> Quy hoạch tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 26.</u> Kỳ hạn và thời gian lập quy hoạch tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 27.</u> Lập nhiệm vụ quy hoạch tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 28.</u> Căn cứ lập quy hoạch tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 29.</u> Nội dung phân bổ tài nguyên nước trong quy hoạch tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 30.</u> Nội dung bảo vệ tài nguyên nước trong quy hoạch tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 31.</u> Nội dung phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 32.</u> Lập quy hoạch tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 33.</u> Điều chỉnh quy hoạch tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 34.</u> Tổ chức thực hiện quy hoạch tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 35.</u> Kinh phí lập và thực hiện quy hoạch tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 36.</u> Lưu trữ hồ sơ đồ án quy hoạch tài nguyên nước</p>	<p>nước</p> <p><u>Điều 22.</u> Phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước</p> <p><u>Điều 23.</u> Kế hoạch phòng, chống ô nhiễm nguồn nước và phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái</p> <p><u>Điều 24.</u> Ứng phó và khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước</p> <p><u>Điều 25.</u> Bảo vệ và phát triển nguồn sinh thủy</p> <p><u>Điều 26.</u> Bảo đảm sự lưu thông của dòng chảy</p> <p><u>Điều 27.</u> Bảo vệ lòng, bờ, bãi sông</p> <p><u>Điều 28.</u> Hành lang bảo vệ nguồn nước</p> <p><u>Điều 29.</u> Bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt</p> <p><u>Điều 30.</u> Bảo vệ nước dưới đất</p> <p><u>Điều 31.</u> Xử lý nước thải vào nguồn nước</p> <p><u>Điều 32.</u> Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước</p>
---	---	---

<p><u>Điều 32.</u> <i>Gây mưa nhân tạo</i></p> <p><u>Điều 33.</u> <i>Quyền dẫn nước chảy qua</i></p> <p><u>Điều 34.</u> <i>Thăm dò, khai thác nước dưới đất</i></p> <p><u>Điều 35.</u> <i>Bổ sung, thay đổi mục đích, quy mô khai thác, sử dụng tài nguyên nước</i></p>		
<p>CHƯƠNG IV: PHÒNG, CHỐNG, KHẮC PHỤC HẬU QUẢ LŨ, LỤT VÀ TÁC HẠI KHÁC DO NƯỚC GÂY RA</p> <p><u>Điều 36.</u> <i>Trách nhiệm, nghĩa vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả lũ, lụt và tác hại khác do nước gây ra</i></p> <p><u>Điều 37.</u> <i>Lập tiêu chuẩn và phương án phòng, chống lũ, lụt</i></p> <p><u>Điều 38.</u> <i>Quy hoạch bố trí dân cư, bố trí sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng trong vùng ngập lũ</i></p> <p><u>Điều 39.</u> <i>Hồ chứa nước và phòng, chống lũ, lụt</i></p> <p><u>Điều 40.</u> <i>Quyết định phân lũ, chậm lũ</i></p> <p><u>Điều 41.</u> <i>Huy động lực lượng, phương tiện cho việc phòng, chống và khắc phục hậu quả lũ, lụt</i></p> <p><u>Điều 42.</u> <i>Tiêu nước cho vùng ngập úng</i></p> <p><u>Điều 43.</u> <i>Phòng, chống và khắc phục hậu quả hạn</i></p>	<p>CHƯƠNG IV: BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC</p> <p><i>Điều 37. Trách nhiệm bảo vệ tài nguyên nước</i></p> <p><i>Điều 38. Bảo vệ và phát triển nguồn sinh thủy</i></p> <p><i>Điều 39. Hành lang bảo vệ nguồn nước</i></p> <p><i>Điều 40. Phòng, chống suy thoái, cạn kiệt tài nguyên nước</i></p> <p><i>Điều 41. Bảo vệ lòng, bờ bãi sông</i></p> <p><i>Điều 42. Bảo vệ nguồn nước</i></p> <p><i>Điều 43. Bảo đảm sự lưu thông của dòng chảy</i></p> <p><i>Điều 44. Bảo vệ nước dưới đất</i></p> <p><i>Điều 45. Bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt</i></p> <p><i>Điều 46. Xử nước thải vào nguồn nước</i></p>	<p>CHƯƠNG IV: KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC</p> <p>Mục 1: SỬ DỤNG NƯỚC TIẾT KIỆM, HIỆU QUẢ</p> <p><i>Điều 33.</i> <i>Sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả</i></p> <p><i>Điều 34.</i> <i>Hạn chế thất thoát nước trong các hệ thống cấp nước</i></p> <p><i>Điều 35.</i> <i>Ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả</i></p> <p><i>Điều 36.</i> <i>Phát triển khoa học, công nghệ sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả</i></p> <p>Mục 2: KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC</p> <p><i>Điều 37.</i> <i>Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước</i></p> <p><i>Điều 38.</i> <i>Cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước</i></p> <p><i>Điều 39.</i> <i>Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sinh hoạt</i></p> <p><i>Điều 40.</i> <i>Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sản xuất nông nghiệp</i></p> <p><i>Điều 41.</i> <i>Khai thác, sử dụng nguồn nước</i></p>

<p><i>hán</i></p> <p><u>Điều 44.</u> Phòng, chống xâm nhập mặn, nước biển dâng, tràn</p> <p><u>Điều 45.</u> Phòng, chống mưa đá, mưa axit</p> <p><u>Điều 46.</u> Nguồn tài chính để phòng, chống, khắc phục hậu quả lũ, lụt, hạn hán và các tác hại nghiêm trọng khác do nước gây ra</p>	<p>Điều 47. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước</p>	<p>cho thủy điện</p> <p>Điều 42. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sản xuất muối và nuôi trồng thủy, hải sản</p> <p>Điều 43. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sản xuất công nghiệp, khai khoáng</p> <p>Điều 44. Khai thác, sử dụng nguồn nước cho giao thông thủy</p> <p>Điều 45. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho các mục đích khác</p> <p>Điều 46. Thăm dò, khai thác nước dưới đất</p> <p>Điều 47. Hồ chứa và khai thác, sử dụng nước hồ chứa</p> <p>Điều 48. Quy trình vận hành hồ chứa trên lưu vực sông</p> <p>Mục 3: ĐIỀU HÒA, PHÂN PHỐI TÀI NGUYÊN NƯỚC</p> <p>Điều 49. Điều hòa, phân phối tài nguyên nước</p> <p>Điều 50. Kế hoạch điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông</p> <p>Điều 51. Chuyển nước lưu vực sông</p> <p>Điều 52. Bổ sung nhân tạo nước dưới đất</p> <p>Điều 53. Gây mưa nhân tạo</p>
<p>CHƯƠNG V: KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI</p> <p><u>Điều 47.</u> Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi</p> <p><u>Điều 48.</u> Trách nhiệm bảo vệ công trình thủy lợi</p>	<p>CHƯƠNG V: KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC</p> <p><u>Điều 48.</u> Tiết kiệm nước trong khai thác, sử dụng</p> <p><u>Điều 49.</u> Hạn chế thất thoát nước trong các</p>	<p>CHƯƠNG V: PHÒNG, CHỐNG KHẮC PHỤC HẬU QUẢ LŨ, LỤT VÀ TÁC HẠI KHÁC DO NƯỚC GÂY RA</p> <p>Điều 54. Trách nhiệm, nghĩa vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả lũ, lụt và tác hại</p>

<p><u>Điều 49.</u> <i>Phương án bảo vệ công trình thủy lợi</i></p> <p><u>Điều 50.</u> <i>Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi</i></p> <p><u>Điều 51.</u> <i>Bảo vệ đê điều</i></p> <p><u>Điều 52.</u> <i>Các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi</i></p>	<p>hệ thống cấp nước</p> <p><u>Điều 50.</u> Ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm</p> <p><u>Điều 51.</u> Phát triển khoa học, công nghệ sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả</p> <p><u>Điều 52.</u> Tuyên truyền, giáo dục, phát triển dịch vụ tư vấn sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả</p> <p><u>Điều 53.</u> Quy hoạch xây dựng hồ chứa mới</p> <p><u>Điều 54.</u> Bổ sung nhân tạo nước dưới đất</p> <p><u>Điều 55.</u> Quyền của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 56.</u> Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 57.</u> Cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 58.</u> Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sinh hoạt</p> <p><u>Điều 59.</u> Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sản xuất nông nghiệp</p> <p><u>Điều 60.</u> Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sản xuất muối và nuôi trồng thủy, hải sản</p> <p><u>Điều 61.</u> Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sản xuất công nghiệp, khai khoáng</p>	<p>khác do nước gây ra</p> <p><u>Điều 55.</u> Lập tiêu chuẩn và phương án phòng, chống lũ, lụt</p> <p><u>Điều 56.</u> Quy hoạch bố trí dân cư, bố trí sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng trong vùng ngập lũ</p> <p><u>Điều 57.</u> Phân lũ, chậm lũ và huy động lực lượng, phương tiện cho việc phòng, chống và khắc phục hậu quả lũ, lụt</p> <p><u>Điều 58.</u> Tiêu nước cho vùng ngập úng</p> <p><u>Điều 60.</u> Phòng, chống xâm nhập mặn, nước biển dâng, tràn</p> <p><u>Điều 61.</u> Phòng, chống mưa đá, mưa axit</p>
---	--	---

	<p><i>Điều 62. Khai thác, sử dụng nguồn nước cho thủy điện</i></p> <p><i>Điều 63. Khai thác, sử dụng nguồn nước cho giao thông thủy</i></p> <p><i>Điều 64. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho các mục đích khác</i></p> <p><i>Điều 65. Gây mưa nhân tạo</i></p> <p><i>Điều 66. Thăm dò, khai thác nước dưới đất</i></p> <p><i>Điều 67. Quyền dẫn nước chảy qua</i></p> <p><i>Điều 68. Bổ sung, thay đổi mục đích, quy mô khai thác, sử dụng tài nguyên nước</i></p>	
<p>CHƯƠNG VI: QUAN HỆ QUỐC TẾ VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC</p> <p><i>Điều 53. Nguyên tắc áp dụng trong quan hệ quốc tế về tài nguyên nước</i></p> <p><i>Điều 54. Trách nhiệm bảo vệ quyền và lợi ích của Việt Nam đối với nguồn nước quốc tế</i></p> <p><i>Điều 55. Hợp tác quốc tế trong quản lý và phát triển tài nguyên nước</i></p> <p><i>Điều 56. Giải quyết tranh chấp về nguồn nước quốc tế</i></p>	<p>Chương VI: PHÒNG, CHỐNG, KHẮC PHỤC HẬU QUẢ LŨ, LỤT VÀ TÁC HẠI KHÁC DO NƯỚC GÂY RA</p> <p><i>Điều 69. Trách nhiệm, nghĩa vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả lũ, lụt và tác hại khác do nước gây ra</i></p> <p><i>Điều 70. Lập tiêu chuẩn và phương án phòng, chống lũ, lụt</i></p> <p><i>Điều 71. Quy hoạch bố trí dân cư, bố trí sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng trong vùng ngập lũ</i></p> <p><i>Điều 72. Hồ chứa nước và phòng, chống</i></p>	<p>CHƯƠNG VI: TÀI CHÍNH VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC</p> <p><i>Điều 62. Nguồn thu ngân sách nhà nước từ hoạt động tài nguyên nước</i></p> <p><i>Điều 63. Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước</i></p> <p><i>Điều 64. Nguồn tài chính cho các hoạt động tài nguyên nước</i></p> <p><i>Điều 65. Ngân sách nhà nước cho hoạt động tài nguyên nước</i></p>

	<p><i>lũ, lụt</i></p> <p>Điều 73. Quyết định phân lũ, chậm lũ</p> <p>Điều 74. Huy động lực lượng, phương tiện cho việc phòng, chống và khắc phục hậu quả lũ, lụt</p> <p>Điều 75. Tiêu nước cho vùng ngập úng</p> <p>Điều 76. Phòng, chống và khắc phục hậu quả hạn hán</p> <p>Điều 77. Phòng, chống xâm nhập mặn, nước biển dâng, tràn</p> <p>Điều 78. Phòng, chống mưa đá, mưa axit</p> <p>Điều 79. Nguồn tài chính để phòng, chống, khắc phục hậu quả lũ, lụt, hạn hán và các tác hại nghiêm trọng khác do nước gây ra</p>	
<p>CHƯƠNG VII: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC</p> <p><u>Điều 57.</u> Nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 58.</u> Thẩm quyền quản lý nhà nước về tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 59.</u> Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, dự án về tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 60.</u> Điều tra cơ bản, kiểm kê, đánh giá tài nguyên nước</p> <p><u>Điều 61.</u> Thẩm quyền cấp, thu hồi giấy phép về</p>	<p>Chương VII: KINH TẾ VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC</p> <p>Điều 80. Nguồn tài chính cho các hoạt động tài nguyên nước</p> <p>Điều 81. Ngân sách nhà nước cho hoạt động tài nguyên nước</p> <p>Điều 82. Nguồn thu ngân sách nhà nước từ hoạt động tài nguyên nước</p> <p>Điều 83. Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước/Phí khai thác tài nguyên nước</p>	<p>CHƯƠNG VII: QUAN HỆ QUỐC TẾ VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC</p> <p>Điều 66. Nguyên tắc áp dụng trong quan hệ quốc tế về tài nguyên nước</p> <p>Điều 67. Trách nhiệm bảo vệ quyền và lợi ích của Việt Nam đối với nguồn nước <i>liên quốc gia</i></p> <p>Điều 68. Hợp tác quốc tế trong quản lý và phát triển tài nguyên nước</p> <p>Điều 69. Giải quyết tranh chấp về nguồn nước <i>liên quốc gia</i></p>

<p><i>tài nguyên nước</i></p> <p><u>Điều 62.</u> <i>Giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước</i></p> <p><u>Điều 63.</u> <i>Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước</i></p> <p><u>Điều 64.</u> <i>Nội dung quản lý quy hoạch lưu vực sông</i></p> <p><u>Điều 65.</u> <i>Chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống và khắc phục hậu quả lũ, lụt</i></p>	<p>Điều 84. Định giá nước</p> <p>Điều 85. Quỹ tài nguyên nước quốc gia</p> <p>Điều 86. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên nước</p>	
--	---	--